

Số: 59/BC-UBND

Dầu Tiếng, ngày 15 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Dầu Tiếng Quý I năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 Huyện Dầu Tiếng;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Dầu Tiếng về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Dầu Tiếng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

UBND huyện Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Dầu Tiếng Quý I năm 2022 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quý I năm 2022 là 335 tỷ 241 triệu đồng, thu nội địa là 135 tỷ 241 triệu đồng, trong đó thu mới được hưởng đưa vào cân đối ngân sách 41 tỷ 858 triệu đồng (41.858 triệu đồng/365.791 triệu đồng dự toán đầu năm huyện giao), đạt 18% dự toán đầu năm huyện giao.

(kèm theo Biểu số 93/CK-NSNN)

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Thực hiện chi ngân sách quý I năm 2022 là 144 tỷ 700 triệu đồng, đạt 15% dự toán đầu năm huyện giao, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản là 35 tỷ 410 triệu đồng.



- Chi thường xuyên là 109 tỷ 290 triệu đồng. Trong đó chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề 34 tỷ 426 triệu đồng; chi ngân sách xã, thị trấn 33 tỷ 334 triệu đồng.

(kèm theo Biểu số 95/CK-NSNN)

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022:

- Về thu ngân sách: Trong quý I năm 2022 các khoản thu chủ yếu phát sinh theo tình hình thực tế; đồng thời do ảnh hưởng của dịch Covid_19 làm ảnh hưởng đến tình hình thu trên địa bàn huyện.

- Về chi ngân sách: Trong quý I năm 2022 chủ yếu là các khoản chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp...); các khoản chi đảm bảo an sinh xã hội, tiền tết và các khoản chi cấp bách.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện về công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Dầu Tiếng Quý I năm 2022./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện uỷ;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, pdf.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phương Linh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện Quý 1 năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện Quý 1 năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	577.311	946.944	335.241	35%	58%
I	Thu cân đối NSNN	289.440	946.944	335.241	35%	116%
1	Thu nội địa	132.655	365.791	135.241	37%	102%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	250.494	581.153	200.000	34%	80%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	95.619				0%
III	Thu kết dư					
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	287.090	946.944	144.700	15%	50%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	287.090	946.944	144.700	15%	50%
1	Chi đầu tư phát triển	113.168	146.469	35.410	24%	31%
2	Chi thường xuyên	142.498	775.416	109.290	14%	77%
3	Dự phòng ngân sách		25.059			
4	Chi tạm ứng	31.424				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện Quý 1 năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện Quý 1 năm 2022	So sánh ước thực	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	132.655	591.750	135.241	23%	102%
I	Thu nội địa	132.655	591.750	135.241	23%	102%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	48.759	133.202	20.238	15%	42%
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.155	57.750	13.903	24%	92%
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Lệ phí trước bạ	4.347	23.100	4.675	20%	108%
7	Thu phí, lệ phí	3.322	10.524	3.636	35%	109%
8	Các khoản thu về nhà, đất	56.247	351.237	89.555	25%	159%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		13			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8	958	2	0%	25%
-	Thu tiền sử dụng đất	41.164	103.409	69.415	67%	169%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	15.075	246.857	20.138	8%	134%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	988	2.000	550		
11	Thu khác ngân sách	3.837	13.937	2.684	19%	70%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác					
II	Thu viện trợ					
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	38.943	365.791	41.858		
1	Từ các khoản thu phân chia	13.595	65.433	11.841	18%	87%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	25.348	300.358	30.017	10%	118%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện Quý 1 năm 2021	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý 1 năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	287.090	946.944	144.700	15%	50%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	287.090	946.944	144.700	15%	50%
I	Chi đầu tư phát triển	113.168	146.469	35.410	24%	31%
	Chi chuyển nguồn đầu tư xây dựng cơ bản					
II	Chi thường xuyên	142.498	775.416	109.290	14%	77%
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề	50.741	264.750	34.426	13%	68%
2	Chi SN khoa học và công nghệ		500	50		
3	Chi SN y tế, dân số và gia đình	11.660	30.966	5.030	16%	43%
4	Chi SN văn hóa thông tin, thể thao, phát thanh	3.487	25.106	1.876	7%	54%
5	Chi SN phát thanh					
6	Chi SN bảo vệ môi trường					
7	Chi SN kinh tế	4.892	90.755	6.924	8%	142%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	11.853	186.065	8.810	5%	74%
9	Chi bảo đảm xã hội	11.390	65.867	13.769	21%	121%
10	Chi An ninh - Quốc phòng	7.321	82.077	4.695	6%	64%
	- <i>An ninh</i>	2.309	21.394	961	4%	42%
	- <i>Quốc phòng</i>	5.012	60.683	3.734	6%	75%
11	Chi khác ngân sách	224	29.330	376	1%	168%
12	Chi ngân sách xã, thị trấn	40.930		33.334	#DIV/0!	81%
13	Trích lập quỹ khen thưởng					
III	Dự phòng ngân sách		25.059			
IV	Chi tạm ứng	31.424				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					